

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Đức Dũng**

Bà **Lại Thị Thúy Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Anh **Nguyễn Xuân Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 39/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/01/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33 ngày 25/4/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 6, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 8, xã S, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/01/2022, bản tự khai và lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại UBND xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Minh T1, sinh ngày 23/6/1999; Phạm Thị Q, sinh ngày 24/5/2003 và Phạm Minh A, sinh ngày 13/5/2005.

Sau khi kết hôn, anh chị ở bên gia đình chồng. Cuộc sống chung bình thường. Chị làm rẫy và làm thuê thêm bên ngoài, anh T không chịu đi làm, thường xuyên nhậu nhẹt về đánh đập vợ con nhưng chị thương các con còn nhỏ nên chịu đựng. Cho đến năm 2019 là mâu thuẫn đỉnh điểm, anh nhậu quá nhiều nên ghen tuông bóng gió, nói năng không chuẩn mực và thường đánh đập chị. Các con đã lớn, ảnh hưởng xấu đến tâm sinh lý các cháu. Khi anh nhậu vào, không cho các con đi học, vì vậy nên chị đã đưa cháu Phạm Minh T1 và Phạm Thị Q về Thanh Hóa sống, lo cho ăn học, cháu A ở cùng ông bà nội và anh. Từ lúc chị về quê, anh không quan tâm, hỏi han gì hay liên lạc với chị và các con. Khi vợ chồng mâu thuẫn, cha mẹ chồng cũng có khuyên can anh chỉ thú làm ăn, bỏ rượu chè nhưng anh không nghe. Khoảng thời gian không sống cùng nhau, anh chị không có thiện chí hàn gắn, khi chị nói với anh việc ly hôn, anh nói tùy chị và anh sẽ không lên Tòa làm việc.

Tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn cùng anh. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh A sinh ngày 13/5/2005 vì hiện nay chị đã vào Nam sinh sống, làm việc, chị không yêu cầu anh T góp phí tồn nuôi con.

Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có.

*** Bị đơn anh Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.**

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:**

Bản tự khai; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của hai con chung (bản sao); giấy đăng ký kết hôn (bản chính); các biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh (bản chính).

*** Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ:** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; bị đơn không hợp tác nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Áp dụng Điều 131 – Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 40 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H ly hôn với anh T; về con chung mặc dù cháu Phạm Minh A, sinh ngày 13/5/2005 có nguyện vọng sống với ba nhưng chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến nên giao cháu A cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn T, nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sông Ray vào năm 1998, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H nhận thấy:

Chị H khai cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì anh không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, bạo hành, ghen tuông vô cớ. Chị và gia đình khuyên can anh không thay đổi và từ năm 2019 anh chị đã không ở cùng nhau. Chị không còn tình cảm với anh, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, anh T không đến, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Chị H và anh T kết hôn năm 1998, chị H có đơn đề nghị không hòa giải, anh T không hợp tác làm việc nên việc hòa giải không thành. Vợ chồng anh chị không ở cùng nhau từ năm 2019, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

[5] Về con chung: chị H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh A, sinh ngày 13/5/2005 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Theo chị H khai từ khi anh chị không ở cùng nhau, chị đưa 02 cháu Phạm Minh T1 và Phạm Thị Q về Bắc sinh sống và nuôi ăn học; riêng cháu Phạm Minh A ở cùng ba từ đó cho đến nay, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Tại (BL25), cháu A cũng có nguyện vọng sống cùng ba để tiện cho việc ăn học của cháu. Tuy nhiên, hiện nay chị đã vào lại Cẩm Mỹ sinh sống và làm việc, anh T được Tòa án triệu tập lên làm việc nhưng vắng mặt, không có ý kiến nên việc giao con cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết và nợ chung không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị H phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 40 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Minh A, sinh ngày 13/5/2005 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp sang án phí (Biên lai số 0001002 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Sông Ray;
- Hồ sơ vụ án.
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Yến

